

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 3/6
KỲ THI NGÀY 14/5/2023

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
1	B1001	Bùi Ngọc Ân	04/01/1966	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	4,5	4,5	7,0	5,0	Đạt		
2	B1002	Đỗ Phú Cường	19/05/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2,0	4,5	4,5	6,5	4,5		Không đạt	
3	B1003	Trần Vương Quỳnh Chi	08/03/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	2,0	4,5	5,0	8,0	5,0		Không đạt	
4	B1004	Nguyễn Thị Chung	12/10/1988	Bình Định	Nữ	Kinh	3,0	5,0	3,0	7,5	4,5	Đạt		
5	B1005	Lê Long Danh	01/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	5,0	2,5	7,5	4,5		Không đạt	
6	B1006	Huỳnh Thị Diễm	28/10/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	4,5	3,0	7,5	4,5	Đạt		
7	B1007	Lê Quỳnh Diễm	15/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,0	4,5	7,0	8,0	6,0	Đạt		
8	B1008	Huỳnh Công Duy	20/10/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2,0	5,0	6,5	7,5	5,5		Không đạt	
9	B1009	Võ Ngọc Hào	08/02/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2,0	4,5	6,0	7,0	5,0		Không đạt	
10	B1010	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	5,5	1,5	8,5	4,5		Không đạt	
11	B1011	Lê Văn Hoàng	18/06/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	5,5	2,0	7,5	4,5		Không đạt	
12	B1012	Trần Văn Huân	10/06/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	4,0	3,0	7,0	4,5	Đạt		
13	B1013	Nguyễn Việt Khoa	24/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	1,5	4,0	2,5	7,0	4,0		Không đạt	
14	B1014	Bùi Thị Kim Liên	10/10/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	1,5	4,5	4,0	7,0	4,5		Không đạt	

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
15	B1015	Trần Phi	Líp	24/01/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	1,0	3,5	4,0	7,0	4,0		Không đạt	
16	B1016	Đặng Quang	Luật	02/09/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	1,0	4,5	3,0	7,0	4,0		Không đạt	
17	B1017	Mai Thị Bích	Phượng	10/03/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	1,5	4,5	3,0	7,0	4,0		Không đạt	
18	B1018	Bùi Văn	Quân	27/02/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2,0	4,5	2,0	7,0	4,0		Không đạt	
19	B1019	Phạm Vi	Quân	28/05/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2,0	4,0	2,5	7,5	4,0		Không đạt	
20	B1020	Đinh Thị	Quyên	10/01/1997	Quảng Ngãi	Nữ	H're	1,5	3,5	2,5	7,0	3,5		Không đạt	
21	B1021	Nguyễn Hương	Quỳnh	06/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	5,0	3,0	7,0	4,5	Đạt		
22	B1022	Đặng Thị Thúy	Tiên	02/07/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	1,0	4,5	4,0	7,0	4,0		Không đạt	
23	B1023	Bùi Vạn	Tiền	29/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	4,5	7,0	6,5	5,5	Đạt		
24	B1024	Lê Thị Kim	Tuyền	07/08/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	4,5	4,0	6,5	4,5	Đạt		
25	B1025	Phạm Thị	Tuyệt	14/12/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	2,0	5,5	2,5	5,0	4,0		Không đạt	
26	B1026	Võ Đình	Tứ	09/05/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	5,5	2,5	6,0	4,5		Không đạt	
27	B1027	Nguyễn Như	Thắng	21/11/2000	Nghệ An	Nam	Kinh	1,0	4,5	2,5	5,5	3,5		Không đạt	
28	B1028	Phạm Thị	Trâm	01/04/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	0,5	4,5	4,0	6,0	4,0		Không đạt	
29	B1029	Nguyễn Việt	Trung	24/12/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	0,5	4,5	3,0	5,0	3,5		Không đạt	
30	B1030	Bùi Quang	Trường	25/07/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	1,0	4,5	3,0	6,0	3,5		Không đạt	
31	B1031	Đinh Văn	Ua	19/02/1992	Quảng Ngãi	Nam	H're	1,0	4,5	2,5	6,5	3,5		Không đạt	
32	B1032	Trần Việt	Văn	20/04/1989	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	1,0	4,5	2,5	5,0	3,5		Không đạt	
33	B1033	Phạm Quốc	Vĩnh	17/10/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	1,5	5,0	2,5	5,5	3,5		Không đạt	

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã làm tròn	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
34	B1034	Nguyễn Thị Tường Vy	07/11/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	1,0	3,5	3,0	5,5	3,5		Không đạt	
35	B1035	Trần Như Ý	09/09/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	1,0	5,0	2,0	7,5	4,0		Không đạt	

Danh sách này có: 35 thí sinh, trong đó số dự thi: 35 thí sinh, số vắng thi: 0 thí sinh.